

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST  
Ngày: 18 tháng 7 năm 2025  
V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phạm Thị Chuyên

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Hoàng Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 6 và 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2024/TBTL-DSST ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 08/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS ngày 09/5/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 68/2025/QĐST-DS ngày 09/6/2025, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 10/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Giáp Đình S, sinh năm 1982; cư trú tại: thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn C, xã B, tỉnh Bắc Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Văn phòng luật sư Bách Gia T; địa chỉ: Văn phòng luật sư Bách Gia T, số D đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là số D, đường H, phường B, tỉnh Bắc Ninh).

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư Bách Gia T: ông Lê Văn T1, sinh năm 1984 - Trưởng Văn phòng.

**- Bị đơn:**

1. Ông Giáp Văn N, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Đ, xã M, tỉnh Bắc Ninh). Hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ cụ thể.

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn C, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn C, xã S, tỉnh Bắc Ninh).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn C, xã B, tỉnh Bắc Ninh).

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1984; địa chỉ: khu dân cư T, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là khu D, phường N, thành phố Hải Phòng).

3. Ông Trần Ngọc H2, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là thôn N, xã N, thành phố Hải Phòng).

(Ông T1 đề nghị xử vắng mặt; các đương sự khác vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Giáp Đình S trình bày:

Giữa Ông Giáp Đình S, sinh năm 1982, ông Giáp Văn N, sinh năm 1986; có địa chỉ tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Đ, xã M, tỉnh Bắc Ninh), ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1983; có địa chỉ tại thôn C, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn C, xã S, tỉnh Bắc Ninh), ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1984; có địa chỉ tại khu dân cư T, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là khu dân cư T, phường N, thành phố Hải Phòng) và ông Trần Ngọc H2, sinh năm 1985; có địa chỉ tại thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là thôn N, xã N, thành phố Hải Phòng) có quan hệ quen biết. Năm 2020, các ông có ý định làm ăn chung tức là cùng chung vốn để đi buôn gà. Các ông cùng thỏa thuận vay tiền để cùng nhau buôn gà, ông là người đứng ra vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần V chi nhánh M, thành phố Hà Nội. Số tiền vay Ngân hàng là 1.200.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền của Ngân hàng thì cùng thống nhất lập biên bản vay tiền của vợ chồng ông ngày 19/7/2020. Thời hạn vay không thỏa thuận trong giấy vay tiền. Ông là người quản lý tiền. Khi nào phải trả tiền hàng thì ông là người trực tiếp chuyển tiền trả tiền hàng. Mọi người đều có sổ sách theo dõi việc thu, chi của nhóm. Bản thân ông không có sổ theo dõi. Thực tế các ông không thành lập công ty để cùng nhau kinh doanh. Có phân công công việc cho từng người, chỉ trao đổi bằng lời nói, không có văn bản giấy tờ gì. Các bên không có thỏa thuận gì về việc chia lợi nhuận. Việc kinh doanh không thuận lợi, không có lãi. Việc làm ăn bị thua lỗ, không thu hồi được tiền để trả nợ cho Ngân hàng. Các ông cùng nhau làm ăn chung được khoảng 01 năm thì giải tán nhóm. Ông B là người lái xe đi bắt gà và giao gà cho các đại lý và là người trực tiếp trả và thu tiền hàng. Theo giấy vay tiền thì các ông thỏa thuận mỗi người có trách nhiệm trả 240.000.000 đồng cho ông để ông trả nợ cho Ngân hàng. Sau khi các ông không làm ăn cùng nhau, đến khoảng giữa năm 2021 thì ông H2 và ông H1 mỗi người đã trả đủ cho ông số tiền 240.000.000 đồng. Hiện nay còn ông B và ông N chưa trả tiền cho ông. Đối với số tiền vay của Ngân hàng thì ông đã trả hết cho Ngân hàng V1 cuối năm 2023. Nay ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông B và ông N mỗi người trả ông số tiền gốc 240.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 10%/năm.

Bị đơn ông Giáp Văn N đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 06/02/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, không rõ địa chỉ cụ thể, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 09/6/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông và ông Giáp Đình S có quan hệ quen biết thông qua việc làm ăn. Khoảng tháng 7 năm 2020 ông, ông Giáp Đình S, ông Giáp Văn N, ông Nguyễn Văn H1, ông Trần Ngọc H2 có dịp ngồi cùng nhau và bàn bạc về việc làm ăn chung. Ông Giáp Đình S có đưa ra phương án là ông S sẽ bỏ ra 1.200.000.000 đồng để 05 người cùng đi buôn gà, là việc làm ăn giữa các cá nhân với nhau, không thành lập công ty nào.

Sau khi thống nhất phương án, do ông và ông N, ông H1, ông H2 cùng nhau thống nhất lập biên bản vay tiền với nội dung vay tiền ông Giáp Đình S (biên bản này là do ông S tự viết), 05 người cùng vay số tiền 1.200.000.000 đồng, cả 05 người sẽ có trách nhiệm chung với số tiền này, việc thỏa thuận này là tự nguyện. Tuy nhiên không phân chia rõ mỗi người vay số tiền bao nhiêu. Thực tế ông chưa được nhận số tiền nào sau khi lập biên bản vay tiền 19/7/2020. Các bên không có kế hoạch cụ thể sau khi vay khoản tiền này thì các bên sẽ được sử dụng như thế nào? Ông không biết lỗ lãi như thế nào. Ông được phân công nhiệm vụ lái xe chở gà cho cả nhóm, xe là của ông H1, còn việc tìm mối thu mua gà và người mua do ông H2 chịu trách nhiệm. Ông chỉ lái xe giao hàng trong thời gian khoảng 01 tháng rồi nghỉ. Ông không được chia thù lao và lợi nhuận về việc làm ăn chung.

Nay, ông S khởi kiện buộc ông phải liên đới với ông N trả số tiền gốc 480.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền trên theo Biên bản vay tiền ngày 19/7/2020 thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày: Bà là vợ của ông Giáp Đình S. Chồng bà có đứng ra vay số tiền 1.200.000.000 đồng của Ngân hàng V để làm ăn chung với các anh em. Số tiền đó là do các anh em tự thỏa thuận vay và làm ăn, bà không trực tiếp đứng ra ký kết vay và không liên quan gì đến số tiền đó. Bà từ chối tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa,

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản ý kiến đề ngày 17/7/2025 gửi Tòa án, yêu cầu ông N và ông B cùng liên đới trả ông S số tiền gốc **480.000.000** đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày 18/7/2025 với lãi suất 10%/năm là **103.682.192** đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Giáp Đình S về việc buộc ông Giáp Văn N và ông Nguyễn Văn B liên đới phải trả ông số tiền gốc và tiền lãi 583.682.192 đồng.

2. Về án phí: Ông Giáp Đình S phải chịu 27.347.287 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 16.200.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (Nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 4- Bắc Ninh). Ông S còn phải nộp thêm 11.147.287 đồng.

3. Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Giáp Đình S yêu cầu ông Giáp Văn N và ông Nguyễn Văn B cùng liên đới trả số tiền gốc 480.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày 18/7/2025 với lãi suất 10%/năm là 103.682.192 đồng thì thấy: các bên có giao kết bằng văn bản, ghi rõ số lượng tiền vay nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463 - Bộ luật Dân sự). Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Công văn số 7518/QLXNC-P3 ngày 15/4/2024 của Cục Q- Bộ C cung cấp: ông Giáp Văn N, sinh ngày 11/6/1986; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xuất cảnh ngày 06/02/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy, ông N đã xuất cảnh trước khi Tòa án thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Giáp Văn N và ông Nguyễn Văn B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn H1 và ông Trần Ngọc H2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc: ông Giáp Đình S yêu cầu ông Giáp Văn N và ông Nguyễn Văn B cùng liên đới trả số tiền nợ gốc 480.000.000 đồng thì thấy:

Do có quan hệ quen biết nên ông S, ông N, ông B, ông H1 và ông H2 cùng rủ nhau làm ăn chung. Theo lời trình bày của ông S, ông B và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định có việc ông S, ông N, ông B, ông H1 và ông H2 cùng ký nhận Biên bản vay tiền ngày 19/7/2020, theo biên bản thì cả 05 người cùng vay của vợ chồng ông S số tiền 1.200.000.000 đồng để cùng làm ăn, cả 05 người đều có trách nhiệm đối với số tiền này.

Theo ông S thì ông là người trực tiếp quản lý số tiền 1.200.000.000 đồng. Mọi người đều có sổ sách theo dõi việc thu, chi của nhóm. Riêng ông S không có sổ sách theo dõi việc thu chi của nhóm. Có phân công công việc cho từng người nhưng chỉ trao đổi bằng lời nói, không có văn bản. Các bên không có thỏa thuận về việc chia lợi nhuận. 05 người làm ăn chung được một khoảng thời gian đến giữa năm 2021 thì do dịch bệnh, làm ăn thua lỗ, các bên tự bỏ không tiếp tục hợp tác buôn bán. Ông H1 và ông H2 đã thông toán cho ông, còn lại ông B và ông N không trả. Ông S không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã chi hết số tiền 1.200.000.000 đồng cho việc làm ăn chung của 05 người.

Còn theo ông B thì chữ ký trên biên bản vay tiền ngày 19/7/2020 là của ông nhưng thực tế ông chưa được nhận tiền của ông S, cũng không ghi rõ số tiền thực tế mỗi người vay là bao nhiêu. Việc 05 người làm ăn không có kế hoạch cụ thể đối với số tiền vay 1.200.000.000 đồng và việc phân chia lợi nhuận như thế nào; ông chỉ lái xe giao hàng trong thời gian 01 tháng rồi nghỉ, ông không được nhận tiền lãi từ hoạt động làm ăn chung, ông không biết việc làm ăn chung lỗ lãi như thế nào. Ông S khởi kiện buộc ông phải liên đới với ông N trả số tiền gốc 480.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền trên theo Biên bản vay tiền ngày 19/7/2020 thì ông không đồng ý.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 465 của Bộ luật dân sự thì bên cho vay phải có nghĩa vụ giao tài sản cho bên vay đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận. Theo lời trình bày của ông S và ông B thì xác định được không có việc ông S giao số tiền vay cho ông B và ông N. Ông S cũng không chứng minh được đã chi số tiền 1.200.000.000 đồng vào việc làm ăn buôn bán chung của ông với ông N, ông B, ông H1 và ông H2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Giáp Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H1 và ông Trần Ngọc H2 không đến Tòa án làm việc, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông S. Ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S. Do đó, ông S yêu cầu ông B và ông N liên đới trả ông S số tiền gốc 480.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: ông S yêu cầu ông N và ông B trả tiền lãi tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày 18/7/2025 với lãi suất 10%/năm là 103.682.192 đồng thì thấy: như nhận định ở mục [3.1] thì yêu cầu trả tiền gốc của ông S không

được chấp nhận. Ông B và ông N không có nghĩa vụ trả ông S số tiền gốc nên không có căn cứ buộc ông B và ông N phải trả tiền lãi của số tiền gốc nêu trên cho ông S. Do đó, ông S yêu cầu ông B và ông N trả tiền lãi là không có căn cứ để được chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Giáp Đình S về việc buộc ông Giáp Văn N và ông Nguyễn Văn B liên đới phải trả ông S số tiền gốc và tiền lãi là 583.682.192 đồng.

2. Về án phí: ông Giáp Đình S phải chịu 27.347.287 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 16.200.000 đồng theo Biên lai thu số 0007332 ngày 15/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Bắc Ninh). Ông S còn phải nộp thêm số tiền là 11.147.287 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án. Người hiện đang cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b

và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Thành**

**Nguyễn Văn Thủy**

**Phạm Thị Chuyên**